

Thứ hai, ngày 1 tháng 6 năm 2020

Vietnam Daily Review

Tăng điểm mạnh mẽ

Tổng quan

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 02/06/2020		•	
Tuần 1/6-5/6/2020		•	
Tháng 6/2020		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Thị trường có một phiên giao dịch hưng phấn vào đầu tuần. Đà tăng điểm kéo dài trong cả phiên giao dịch và tăng mạnh trong phiên chiều nhờ nhóm ngân hàng bứt phá (ACB, MBB, CTG, BID). Khối ngoại quay trở lại mua ròng trên sàn HSX và tập trung vào nhóm cổ phiếu VN Diamond và VNFin Lead. Dòng tiền đầu tư lan tỏa vào cả thị trường khi 18/19 nhóm ngành đều tăng điểm. Độ rộng thị trường chuyển sang trạng thái tích cực, biên độ thị trường thu hẹp và thanh khoản tiếp tục suy giảm báo hiệu xu hướng giao dịch thận trọng. Với xu hướng dòng tiền nội và ngoại chảy vào thị trường, VN-Index nhiều khả năng sẽ kiểm tra lại ngưỡng kháng cự 900 điểm trong các phiên giao dịch tới.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều giảm theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh bán và mua lại với giá mục tiêu quanh ngưỡng 755 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 01/06/2020, phần lớn chứng quyền đều tăng theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch giảm nhẹ.

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest:

Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Cổ tức cao - Thanh khoản tốt **+4.3%**

Phân tích kỹ thuật: MBB_Bứt phá (Trang 3)

Điểm nhấn

- VN-Index **+14.20** điểm, đóng cửa **878.67** HNX-Index **+4.33** điểm, đóng cửa **114.14**.
- Kéo chỉ số tăng: **VHM (+2.39); BID (+1.55); VCB (+1.38); CTG (+1.06); VPB (+0.84)**.
- Kéo chỉ số giảm: **TMP (-0.04); SVC (-0.03); VIS (-0.03); PDR (-0.03); SVI(-0.02)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **5,119** tỷ đồng, tăng **+22.1%** so với phiên trước.
- Biên độ dao động là **9.7** điểm, nở rộng so với phiên trước. Thị trường có **286** mã tăng, **49** mã tham chiếu và **99** mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **93.98** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **FUESSVFL (47.4 tỷ), VNM (36.7 tỷ) và VHM (24.8 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-26.75** tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nhóm Phân tích định lượng- i-Invest

Đỗ Nam Tùng

tungdn@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX

878.67

Giá trị: 4498.65 tỷ

14.2 (1.64%)

Khối ngoại (ròng): 93.98 tỷ

HNX-INDEX

114.14

Giá trị: 703.08 tỷ

4.33 (3.94%)

Khối ngoại (ròng): -26.75 tỷ

UPCOM-INDEX

55.59

Giá trị: 0.32 tỷ

0.56 (1.02%)

Khối ngoại (ròng): -32.1 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	35.5	-0.11%
Giá vàng	1,737	0.39%
Tỷ giá USD/VND	23,265	-0.07%
Tỷ giá EUR/VND	25,902	0.36%
Tỷ giá JPY/VND	21,656	0.29%
LS liên NH 1 tháng	1.3%	10.42%
LS TPCP 5 năm	2.2%	-1.59%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
FUESSVFL	47.4	VRE	-32.6
VNM	36.7	CTI	-30.2
VHM	24.8	MSN	-18.0
HPG	21.9	HSG	-17.7
FUEVFN	17.4	VIC	-13.6

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Tín hiệu hàng hóa	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Cổ phiếu lớn	Trang 6
Thống kê thị trường	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
iBroker	Trang 9
Khuyến cáo sử dụng	Trang 10

* Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Cổ tức cao - Thanh khoản tốt_4.3%

Danh mục	Hiệu suất danh mục						Độ lệch chuẩn
	Ngày	Tuần	Tháng	Quý	Nửa năm	Năm	
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	11/24 danh mục Chủ đề có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	4.3%	4.3%	4.3%	37.6%	7.0%	7.0%	15.6%
Ngân Hàng	4.1%	4.1%	4.1%	37.8%	-0.9%	-0.9%	23.5%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	3.3%	3.3%	3.3%	39.0%	-3.8%	-3.8%	21.6%
Bất động sản Khu công nghiệp	3.2%	3.2%	3.2%	10.9%	10.9%	10.9%	25.9%
VN FinSelect	3.1%	3.1%	3.1%	37.7%	-3.7%	-3.7%	20.0%
BDS & Khu công nghiệp	2.2%	2.2%	2.2%	30.7%	-9.4%	-9.4%	17.9%
VN Diamond	2.2%	2.2%	2.2%	36.8%	-9.9%	-9.9%	19.4%
Cổ phiếu hết room ngoại	2.1%	2.1%	2.1%	36.0%	-9.5%	-9.5%	19.4%
Xây dựng	1.9%	1.9%	1.9%	41.2%	-3.2%	-3.2%	19.3%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	1.9%	1.9%	1.9%	43.9%	-8.1%	-8.1%	21.2%
Corona Avengers	1.7%	1.7%	1.7%	50.0%	-1.2%	-1.2%	22.1%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	1.6%	1.6%	1.6%	34.3%	-7.4%	-7.4%	17.8%
Chiến tranh thương mại	1.5%	1.5%	1.5%	44.2%	-8.6%	-8.6%	18.2%
Top 10 cổ phiếu VN30	1.4%	1.4%	1.4%	33.0%	-12.2%	-12.2%	16.8%
Nước & Năng lượng	1.2%	1.2%	1.2%	30.1%	-7.7%	-7.7%	16.7%
FTSE Việt Nam	1.2%	1.2%	1.2%	30.4%	-6.8%	-6.8%	16.9%
MSCI frontier 100 Việt Nam	1.2%	1.2%	1.2%	32.1%	-7.1%	-7.1%	15.9%
Bảo hiểm & Chứng khoán	0.8%	0.8%	0.8%	38.2%	-6.3%	-6.3%	22.5%
Stay-at-home	0.7%	0.7%	0.7%	39.4%	1.1%	1.1%	17.2%
Hàng tiêu dùng	0.6%	0.6%	0.6%	49.2%	-3.8%	-3.8%	19.4%
Dầu khí	0.2%	0.2%	0.2%	42.3%	-23.1%	-23.1%	25.1%
Ngành Dược	0.1%	0.1%	0.1%	17.9%	-5.6%	-5.6%	18.2%
Vật liệu Xây dựng	0.1%	0.1%	0.1%	45.6%	-1.4%	-1.4%	20.5%
Lãi suất giảm	-0.2%	-0.2%	-0.2%	43.5%	-5.3%	-5.3%	19.1%
Mục tiêu	3/9 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
L32	2.6%	2.6%	2.6%	52.9%	-7.3%	-7.3%	20.9%
S32	2.2%	2.2%	2.2%	48.7%	-12.8%	-12.8%	22.3%
M31	2.2%	2.2%	2.2%	36.7%	-6.7%	-6.7%	21.0%
M12	1.4%	1.4%	1.4%	33.5%	-4.7%	-4.7%	19.9%
S21	1.3%	1.3%	1.3%	39.1%	-5.8%	-5.8%	19.9%
L11	1.3%	1.3%	1.3%	31.0%	-9.2%	-9.2%	17.3%
M22	1.3%	1.3%	1.3%	39.6%	-1.9%	-1.9%	18.9%
S11	1.2%	1.2%	1.2%	27.6%	-2.4%	-2.4%	19.0%
L22	0.9%	0.9%	0.9%	41.6%	-7.1%	-7.1%	19.6%
Khẩu vị Rủi ro	1/3 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
HIGH3	2.1%	2.1%	2.1%	42.5%	1.6%	1.6%	18.9%
LOW1	1.5%	1.5%	1.5%	30.1%	-4.1%	-4.1%	17.1%
MID1	1.2%	1.2%	1.2%	37.3%	-1.1%	-1.1%	17.5%
INDEX							
VNINDEX	1.6%	1.6%	1.6%	32.6%	-8.6%	-8.6%	16.8%
VN30INDEX	1.9%	1.9%	1.9%	34.5%	-6.6%	-6.6%	17.4%

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu thật theo đúng kỳ tái cân bằng của danh mục.

Tham chiếu chỉ số VNINDEX

Danh mục	Tổng số	Ngày		Tuần		Tháng	
		Thắng	Thua	Thắng	Thua	Thắng	Thua
Chủ đề	24	11	13	11	13	11	13
Mục tiêu	9	3	6	3	6	3	6
Rủi ro	3	1	2	1	2	1	2

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>

Vũ Quốc Khánh

kanhvhq@bsc.com.vn

Phân tích kỹ thuật

MBB_Bứt phá

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá
- Chỉ báo xu hướng MACD: phân kỳ dương, MACD nằm trên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: vùng trung lập, xu hướng tăng.

Nhận định: MBB đang nằm trong xu hướng tăng giá sau khi tạo mô hình 2 đáy tại ngưỡng giá 14 và 16. Thanh khoản cổ phiếu tăng mạnh vượt ngưỡng trung bình 20 phiên, đồng thuận với đà tăng giá của cổ phiếu. Chỉ báo MACD và RSI đều đang ủng hộ xu hướng tăng giá của cổ phiếu. Đường giá cổ phiếu cũng đã vượt lên dải mây Ichimoku cho thấy xu hướng tăng giá trung hạn đã hình thành. Như vậy, MBB nhiều khả năng sẽ kiểm tra ngưỡng kháng cự 22. Nhà đầu tư có thể mở vị thế tại ngưỡng giá 17-18, chốt lời tại ngưỡng kháng cự 22 và cắt lỗ nếu cổ phiếu mất ngưỡng hỗ trợ 16.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

Các mã cổ phiếu tăng giá theo dự báo của BSC

PLX_Tín hiệu tích cực

[Link](#)

GVR_Tín hiệu tích cực

[Link](#)

PC1_Tăng giá

[Link](#)

CTI_Xu hướng tăng

[Link](#)

VNM_Hưng phấn

[Link](#)

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 29/5

*Mặt hàng	ĐVT	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	35.43	-0.17%	6.56%	85.30%	-32.40%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	38.03	0.50%	5.29%	34.33%	-35.90%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	USDcent/gallon	108.29	0.41%	2.96%	39.50%	-35.79%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1737.79	0.43%	0.34%	3.04%	29.46%	PNJ	PNJ
Bạc	USD/ounce	18.18	1.77%	5.17%	21.45%	21.96%	PNJ	PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	842.00	0.15%	1.05%	0.54%	-10.14%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	517.50	-0.62%	1.72%	0.19%	-3.86%		AFX
Sữa	USD /cwt	18.58	0.43%	9.10%	47.11%	11.86%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	143.58	0.84%	#DIV/0!	n/a	n/a	DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	11.11	1.83%	1.65%	12.00%	-18.31%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	UScent/lb	96.85	0.57%	-6.52%	-8.02%	-17.71%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/ton	5376.50	0.83%	-0.26%	3.45%	-7.78%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	USD/ton	501.99	1.40%	2.07%	6.83%	n/a	HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1548.00	0.72%	1.78%	2.72%	-13.74%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	106.08	3.84%	5.15%	24.25%	n/a	HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	55.45	-0.18%	-2.46%	3.64%	-30.21%	HLC, NBC	HT1, BCC

Nguồn: BSC tổng hợp

Thông tin nổi bật

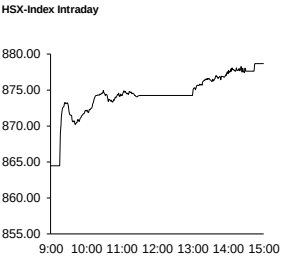
Giá dầu

- Giá dầu ít thay đổi vào thứ Hai, Tổ chức các nước xuất khẩu dầu mỏ (OPEC) sẽ xem xét hợp ngay trong tuần này để thảo luận về việc có nên gia hạn cắt giảm sản lượng kỷ lục sau cuối tháng 6 hay không.
- Dầu thô Brent LC0c1 không đổi ở mức 37,84 USD / thùng, trong ngày đầu tiên giao dịch hợp đồng tháng 8.
- Hợp đồng tương lai dầu thô West Texas Middle (WTI) CLc1 giao tháng 7 ở mức 35,53 USD / thùng, tăng 4 cent, tương đương 0,1%.

Giá vàng

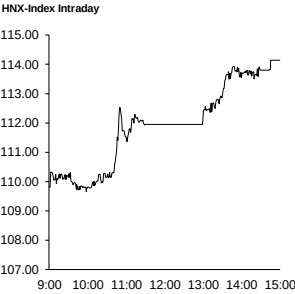
- Vàng tăng vào thứ Hai, khi các cuộc bạo loạn ở các thành phố lớn của Hoa Kỳ, cùng leo thang căng thẳng quan hệ Trung-Mỹ, thúc đẩy nhu cầu đối với kim loại trú ẩn an toàn, với sự hỗ trợ thêm bởi đồng đô la suy yếu.
- Vàng giao ngay tăng 0,8% lên 1.739,59 USD / ounce. Vàng tương lai của Mỹ nhích lên 0,1% lên mức 1.752,50 đô la.

Hình 1



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2



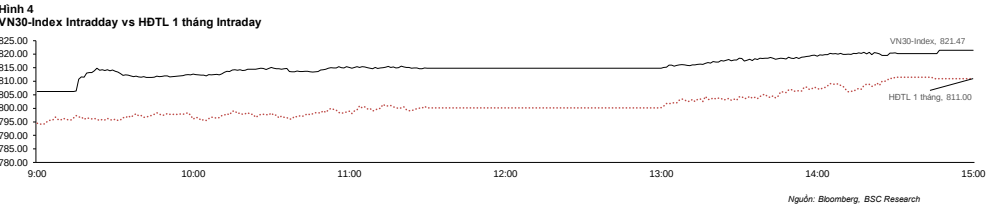
Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1

Vận động ngành trong ngày	
Ngành	±%
Truyền thông	-0.06%
Ô tô và phụ tùng	0.05%
Du lịch và Giải trí	0.52%
Xây dựng và Vật liệu	0.57%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.61%
Dầu khí	0.62%
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.65%
Công nghệ Thông tin	0.68%
Y tế	0.75%
Tài nguyên Cơ bản	1.02%
Bảo hiểm	1.06%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	1.10%
Thực phẩm và đồ uống	1.10%
Bán lẻ	1.27%
Hóa chất	1.47%
Bất động sản	1.62%
Dịch vụ tài chính	2.04%
Ngân hàng	3.03%
Viễn thông	3.98%

Nguồn: FiinPro

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đạo hạn	Số ngày*
VN30F2006	811.00	3.31%	-10.47	-20.4%	147,528	6/18/2020	19
VN30F2007	799.00	2.83%	-22.47	23.7%	830	7/16/2020	47
VN30F2009	782.10	2.48%	-39.37	-39.6%	191	9/17/2020	110
VN30F2012	783.70	2.73%	-37.77	23.4%	95	12/17/2020	201

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 index tăng mạnh 15.24 điểm lên mức 821.47 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như VPB, TCB, VHM, MBB, và STB tác động mạnh đến vận động tăng của VN30. Trong phiên sáng, VN30 tăng mạnh đầu phiên trước khi vận động tích lũy 815 điểm. Sang phiên chiều, VN30 tăng tích cực lên trên 820 điểm. Thanh khoản tăng mạnh, VN30 có thể vận động tăng lên 840 điểm trong các phiên tiếp theo.

- Các HDTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, VN30F2006 và VN30F2009 đang tăng, trong khi VN30F2007 và VN30F2012 đang giảm. Xét về vị thế mở, VN30F2006 và VN30F2007 đang giảm, trong khi VN30F2009 và VN30F2012 đang tăng. Điều này báo hiệu nhịp điều chỉnh trong ngắn hạn. Nhà đầu tư có thể cần nhắc nhở nhịp cạnh bán và mua lại với giá mục tiêu quanh ngưỡng 755 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Đạo hạn	Số ngày	CR	KLGD	± Ngày	KLNY (cp)	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết	Price/Value
CVPB2001	HSC	6/22/2020	21	2:1	87,500	175.1%	5.0 triệu	42.13%	1,500	2,170	27.65%	2,311.30	0.94
CMBB2002	SSI	8/10/2020	70	1:1	399,460	197.0%	3.0 triệu	32.96%	1,300	1,530	22.40%	1,043.80	1.47
CMBB2003	SSI	11/9/2020	161	1:1	89,430	-29.2%	3.0 triệu	32.96%	2,000	2,550	18.06%	1,676.00	1.52
CVPB2005	MBS	8/18/2020	78	2:1	245,470	53.3%	2.0 triệu	42.13%	1,510	2,780	16.81%	2,739.80	1.01
CMBB2004	VND	7/1/2020	30	1:1	136,440	81.1%	2.0 triệu	32.96%	1,100	1,710	16.33%	1,218.50	1.40
CVHM2001	KIS	12/16/2020	198	5:1	223,610	37.3%	2.0 triệu	34.44%	3,100	1,720	12.42%	739.50	2.33
CSTB2002	KIS	12/16/2020	198	1:1	285,130	282.9%	3.0 triệu	38.12%	1,700	1,630	12.41%	889.00	1.83
CSTB2003	KIS	9/16/2020	107	1:1	332,670	25.8%	3.0 triệu	38.12%	1,360	1,410	10.16%	804.30	1.75
CPNJ2004	MBS	8/18/2020	78	5:1	197,140	-59.2%	2.5 triệu	35.03%	1,000	1,030	8.42%	618.90	1.66
CTCB2004	MBS	8/18/2020	78	2:1	177,760	-8.9%	2.0 triệu	35.65%	1,050	2,390	7.66%	2,288.90	1.04
CROS2002	KIS	12/16/2020	198	1:1	241,360	120.8%	2.0 triệu	63.09%	1,000	800	6.67%	55.00	14.55
CVNM2003	MBS	9/4/2020	95	10:1	172,340	-51.1%	3.0 triệu	29.90%	1,450	2,620	5.65%	2,377.00	1.10
CFPT2004	SSI	8/10/2020	70	1:1	23,880	44.7%	2.0 triệu	32.43%	5,100	9,030	3.67%	7,474.90	1.21
CREE2002	VND	7/1/2020	30	1:1	109,610	14.6%	1.5 triệu	29.37%	1,800	2,020	3.59%	997.00	2.03
CFPT2003	SSI	11/9/2020	161	1:1	28,500	-49.5%	2.0 triệu	32.43%	7,300	11,630	3.10%	9,293.70	1.25
CHPG2004	SSI	6/15/2020	14	1:1	52,690	-77.6%	5.0 triệu	34.65%	2,800	4,310	2.86%	4,197.70	1.03
CNVL2001	KIS	12/16/2020	198	4:1	408,220	32.2%	2.0 triệu	16.64%	2,300	1,220	2.52%	94.60	12.90
CHPG2005	VND	10/1/2020	122	1:1	43,410	0.0%	2.0 triệu	34.65%	2,100	8,790	0.00%	8,996.90	0.98
CSTB2001	KIS	6/19/2020	18	1:1	712,010	1229.1%	5.0 triệu	38.12%	1,500	350	-2.78%	270.70	1.29
CVRE2003	KIS	12/16/2020	198	2:1	242,930	-56.4%	3.0 triệu	40.38%	3,000	1,050	-3.67%	444.30	2.36
Tổng:					4,209,560		55.00 triệu		35.81%**				
Chú thích:					Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất				CR: Tỷ lệ chuyển đổi				
					Lãi suất phi rủi ro là 4.75%				Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn				
					**Trung bình độ lệch chuẩn				*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes				

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 01/06/2020, phần lớn chứng quyền đều tăng theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch giảm nhẹ.
- Về giá, CMBB2004 và CPNJ2004 tăng mạnh lần lượt là 16.33% và 8.42%. Giá trị giao dịch giảm nhẹ -6.77%. CVPB2005 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 7.74% thị trường.

- Ngoài trừ các chứng quyền có chứng khoán cơ sở là FPT, HPG, MBB, STB, TCB, và VPB, các chứng quyền khác đều có giá thị trường cao hơn nhiều lần mức giá lý thuyết. CHPG2005 và CHPG2007 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lại. CHPG2005 và CHPG2007 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời.

Tổ Quang Vinh
vinhqa@bsc.com.vn

Bảng 2
Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VPB	24.55	5.14	2.68
TCB	21.30	2.90	1.79
VHM	79.10	3.26	1.27
MBB	17.85	3.78	1.23
STB	10.75	4.37	1.06

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3
Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
ROS	3.4	-2.86	-0.04
PLX	46.3	0.33	0.02
SBT	15.0	0.67	0.04
CTD	77.3	1.71	0.06
BVH	50.7	1.50	0.07

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CVPB2001	23,000	20,000	24,550
CMBB2002	19,300	18,000	17,850
CMBB2003	20,000	18,000	17,850
CVPB2005	22,520	19,500	24,550
CMBB2004	18,100	17,000	17,850
CVHM2001	110,067	94,567	79,100
CSTB2002	13,588	11,888	10,750
CSTB2003	12,471	11,111	10,750
CPNJ2004	72,000	67,000	63,900
CTCB2004	19,100	17,000	21,300
CROS2002	8,227	7,227	3,400
CVNM2003	108,500	94,000	116,100
CFPT2004	55,100	50,000	48,300
CREE2002	33,800	32,000	31,700
CFPT2003	57,300	50,000	48,300
CHPG2004	26,300	23,500	27,650
CNVL2001	75,088	65,888	55,000
CHPG2005	21,100	19,000	27,650
CSTB2001	12,499	10,999	10,750
CVRE2003	43,999	37,999	27,800

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	86.0	1.7%	1.3	1,693	3.0	8,808	9.8	2.9	49.0%	33.6%
PNJ	Bán lẻ	63.9	1.3%	1.4	626	2.0	5,248	12.2	2.9	49.0%	26.0%
BVH	Bảo hiểm	50.7	1.5%	1.3	1,636	1.6	1,307	38.8	2.0	28.4%	5.3%
PVI	Bảo hiểm	30.8	0.0%	0.5	299	0.0	2,092	14.7	1.0	54.3%	7.0%
VIC	Bất động sản	97.2	0.2%	0.8	14,294	2.0	2,095	46.4	4.1	14.0%	10.6%
VRE	Bất động sản	27.8	1.1%	1.1	2,747	4.8	1,226	22.7	2.3	30.8%	10.3%
NVL	Bất động sản	55.0	2.4%	0.8	2,318	2.8	3,584	15.3	2.4	5.9%	16.3%
REE	Bất động sản	31.7	1.4%	0.8	427	0.6	4,976	6.4	1.0	49.0%	16.0%
DXG	Bất động sản	11.4	0.4%	1.4	256	2.0	2,289	5.0	0.8	40.0%	15.9%
SSI	Chứng khoán	15.2	2.7%	1.3	397	2.9	1,415	10.7	0.9	50.4%	7.8%
VCI	Chứng khoán	23.6	3.3%	1.0	168	0.3	4,240	5.6	1.0	29.3%	18.0%
HCM	Chứng khoán	19.5	3.7%	1.8	259	1.3	1,480	13.2	1.4	53.5%	12.0%
FPT	Công nghệ	48.3	0.7%	0.8	1,646	2.7	4,804	10.1	2.2	49.0%	23.4%
FOX	Công nghệ	49.9	0.6%	0.4	540	0.0	4,812	10.4	2.6	0.2%	28.3%
GAS	Dầu khí	75.3	1.2%	1.5	6,266	1.9	5,820	12.9	2.8	3.3%	23.6%
PLX	Dầu khí	46.3	0.3%	1.5	2,397	1.6	869	53.3	2.9	13.3%	5.7%
PVS	Dầu khí	12.8	1.6%	1.5	266	1.6	1,238	10.3	0.5	12.7%	4.8%
BSR	Dầu khí	6.3	1.6%	0.8	849	1.2	898	7.0	0.6	41.1%	8.5%
DHG	Dược	92.8	0.5%	0.5	528	0.1	5,046	18.4	3.4	54.4%	20.2%
DPM	Hóa chất	15.1	1.7%	0.5	256	2.2	1,006	15.0	0.7	12.3%	5.4%
DCM	Hóa chất	8.5	0.2%	0.5	196	0.5	415	20.5	0.7	1.9%	3.7%
VCB	Ngân hàng	86.5	1.5%	1.1	13,949	2.7	4,848	17.8	3.8	23.7%	22.8%
BID	Ngân hàng	41.5	3.4%	1.4	7,248	2.0	2,140	19.4	2.2	17.7%	12.0%
CTG	Ngân hàng	23.5	4.4%	1.2	3,804	7.2	2,510	9.4	1.1	29.7%	12.6%
VPB	Ngân hàng	24.6	5.1%	1.2	2,602	9.3	3,750	6.5	1.3	23.4%	22.7%
MBB	Ngân hàng	17.9	3.8%	1.1	1,871	13.2	3,398	5.3	1.0	23.0%	20.1%
ACB	Ngân hàng	25.1	9.6%	1.0	1,815	14.7	3,780	6.6	1.4	30.0%	23.9%
BMP	Nhựa	47.6	-0.2%	0.9	169	0.1	5,303	9.0	1.5	80.1%	17.0%
NTP	Nhựa	36.2	2.0%	0.4	155	0.1	4,208	8.6	1.4	18.8%	17.0%
MSR	Tài nguyên	15.0	0.0%	0.5	645	0.0	356	42.1	1.2	2.0%	2.9%
HPG	Thép	27.7	0.9%	1.2	3,319	9.6	2,764	10.0	1.5	36.5%	17.4%
HSG	Thép	10.1	1.3%	1.6	195	7.8	1,491	6.8	0.7	16.2%	11.3%
VNM	Tiêu dùng	116.1	1.0%	0.7	8,790	5.3	5,453	21.3	6.7	58.8%	32.5%
SAB	Tiêu dùng	177.7	0.7%	0.8	4,955	0.7	6,719	26.4	6.6	63.3%	27.2%
MSN	Tiêu dùng	63.1	0.6%	1.0	3,207	3.0	3,961	15.9	1.7	39.3%	12.7%
SBT	Tiêu dùng	15.0	0.7%	0.8	383	1.5	171	87.9	1.2	5.9%	1.5%
ACV	Vận tải	59.4	0.7%	0.8	5,622	0.5	3,450	17.2	3.5	3.4%	22.3%
VJC	Vận tải	113.3	0.3%	1.1	2,580	2.0	7,110	15.9	4.0	18.5%	26.3%
HVN	Vận tải	27.7	0.7%	1.7	1,708	1.3	1,654	16.7	2.2	9.3%	12.9%
GMD	Vận tải	19.7	0.5%	0.9	254	0.3	1,583	12.4	1.0	49.0%	7.8%
PVT	Vận tải	11.0	0.9%	1.1	134	0.5	2,117	5.2	0.7	24.8%	14.3%
VCS	Vật liệu xây dựng	67.0	0.0%	1.0	452	1.1	9,201	7.3	3.1	2.6%	45.7%
VGC	Vật liệu xây dựng	18.8	0.0%	0.8	366	0.1	1,453	12.9	1.3	9.9%	10.1%
HT1	Vật liệu xây dựng	14.8	0.0%	1.0	245	0.2	1,938	7.6	1.0	6.4%	13.8%
CTD	Xây dựng	77.3	1.7%	1.1	256	1.5	8,032	9.6	0.7	46.6%	7.3%
VCG	Xây dựng	25.1	0.0%	0.4	482	0.1	1,498	16.8	1.6	0.5%	10.0%
CII	Xây dựng	19.4	0.5%	0.4	201	1.1	1,775	10.9	0.9	44.1%	8.5%
POW	Điện	10.5	2.0%	0.6	1,064	2.6	1,028	10.2	0.9	11.4%	9.4%
NT2	Điện	21.4	1.4%	0.5	268	0.3	2,543	8.4	1.4	17.9%	18.1%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VHM	79.10	3.26	2.39	3.25MLN
BID	41.45	3.37	1.55	1.10MLN
VCB	86.50	1.53	1.38	725310.00
CTG	23.50	4.44	1.06	7.12MLN
VPB	24.55	5.14	0.84	8.95MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
TMP	-0.01	-0.04	880.00	1.11MLN
SVC	-0.01	-0.03	30.00	607060.00
VIS	-0.01	-0.03	90.00	373600.00
PDR	0.00	-0.03	1.04MLN	192700.00
SVI	-0.01	-0.02	960.00	611640.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
JVC	3.06	6.99	0.01	2.52MLN
SFG	5.97	6.99	0.01	133660.00
SGT	4.44	6.99	0.01	34160.00
IDI	4.45	6.97	0.02	2.44MLN
EVG	3.23	6.95	0.00	846460.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
TEG	5.72	-6.99	0.00	125610.00
TNI	11.35	-6.97	-0.01	1.82MLN
SVI	74.90	-6.96	-0.02	960.00
COM	42.45	-6.91	-0.01	1070.00
VIS	19.10	-6.83	-0.03	90.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	25.10	9.61	3.50	13.85MLN
DGC	39.20	6.52	0.19	537600.00
IDC	18.30	5.78	0.15	52700.00
SHB	14.10	0.71	0.13	9.47MLN
PVS	12.80	1.59	0.05	2.81MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

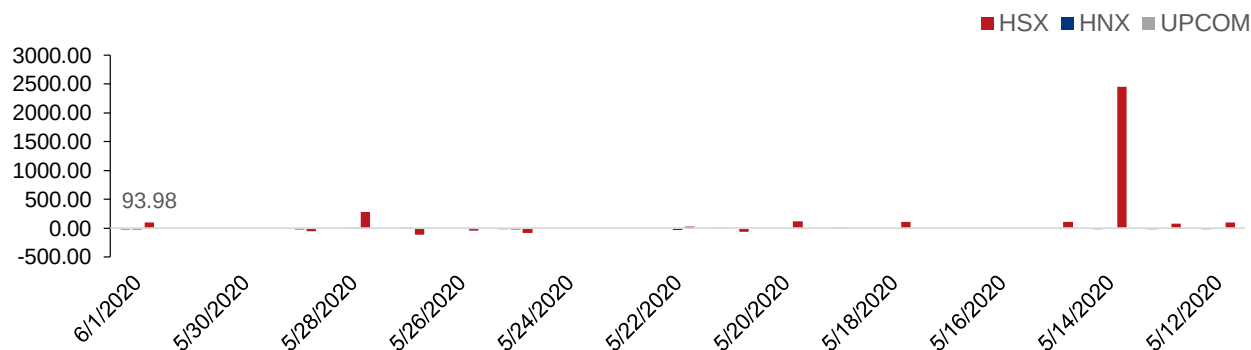
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
TVC	32.00	-5.33	-0.06	570600.00
NVB	8.10	-1.22	-0.04	1.47MLN
S99	7.60	-5.00	-0.02	100.00
TAR	22.80	-2.98	-0.01	597000.00
MBG	6.00	-4.76	-0.01	1.51MLN

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HKB	0.70	16.7	0.00	290400.00
BII	0.80	14.3	0.00	36200.00
PVX	0.90	12.5	0.02	5.21MLN
PPE	5.50	10.0	0.00	400.00
SPI	1.10	10.0	0.00	507900.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BTW	36.00	-10.00	-0.01	200.00
VXB	6.30	-10.00	0.00	500.00
C92	5.60	-9.68	0.00	2800.00
CKV	14.00	-9.68	0.00	200.00
API	9.00	-9.09	-0.01	100.00



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 4.2020	Phân tích vĩ mô		Click
2	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020_VN_04212020	Phân tích ngành		Click
3	BSC_Vietnam_Hoa Kỳ cập nhật danh sách_22042020	Phân tích vĩ mô		Click
4	BSC_Tác động sụt giảm của giá dầu_19032020	Phân tích vĩ mô		Click
5	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 2.2020	Phân tích vĩ mô		Click
6	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	Phân tích vĩ mô		Click
7	11022020_Banking Sector Outlook_BSC Sector	Phân tích ngành		Click
8	BSC_Dịch Covid-19 (Virus corona) và tác động	Phân tích vĩ mô		Click
9	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 1.2020	Phân tích vĩ mô		Click
10	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020	Phân tích ngành		Click
11	BSC_ Báo cáo tác động của Virus Corona	Phân tích vĩ mô		Click
12	20200121_BSC_Vietnam Sector Review_2019_VN	Phân tích ngành		Click
13	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2020	Phân tích vĩ mô		Click
14	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 11.2019	Phân tích vĩ mô		Click
15	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 10.2019	Phân tích vĩ mô		Click
16	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019	Phân tích ngành		Click
17	Vĩ Mô & Thị Trường Quý III_Tạo nền vững chắc	Phân tích vĩ mô		Click
18	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	Phân tích vĩ mô		Click
19	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_BSC Research	Phân tích ngành		Click
20	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 08.2019	Phân tích vĩ mô		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	VEA	Sản xuất	Theo dõi	27/05/202	40.0	44.2	41.4	5,479	7.6	2.1	Click
2	SZC	Bất động sản	Mua	20/05/2018	18.7	22.2	22.4	1,140	19.6	1.9	Click
3	HPG	VLXD	Mua	20/05/2019	26.2	36.7	27.7	2,764	10.0	1.5	Click
4	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	20/05/2020	21.3	25.0	21.3	2,987	7.1	1.2	Click
5	PNJ	Bán lẻ	Theo dõi	19/5/2020	62.0	64.5	63.9	5,248	12.2	2.9	Click
6	VTP	Viễn thông	Mua	19/5/2020	125.0	145.9	134.9	5,718	23.6	8.3	Click
7	DXG	Bất động sản	Theo dõi	19/5/2020	10.6	15.4	11.4	2,289	5.0	0.8	Click
8	PLC	Dầu khí	Theo dõi	15/5/2020	16.4	18.8	17.0	1,496	11.4	1.0	Click
9	HDG	Bất động sản	Theo dõi	15/5/2020	27.3	N/a	28.7	7,637	3.8	1.3	Click
10	CSV	Hóa chất	Theo dõi	13/5/2020	20.6	N/a	24.1	5,311	4.5	1.1	Click
11	DGW	Bán lẻ	Mua	13/5/2020	26.9	32.1	27.0	4,465	6.0	1.2	Click
12	VCB	Ngân hàng	Mua	8/5/2020	67.4	90.0	86.5	4,848	17.8	3.8	Click
13	ACB	Ngân hàng	Mua	7/5/2020	20.3	27.0	25.1	3,780	6.6	1.4	Click
14	VHC	Thủy sản	Theo dõi	6/5/2020	29.5	33.8	34.0	6,553	5.2	1.2	Click
15	PHR	Cao su	Mua	21/4/2020	43.7	51.9	53.0	3,887	13.6	2.7	Click
16	FPT	Công nghệ	Mua	16/4/2020	46.4	60.7	48.3	4,804	10.1	2.2	Click
17	GMD	Vận tải	Mua	18/3/2020	16.4	27.2	19.7	1,583	12.4	1.0	Click
18	KBC	Bất động sản	Mua	13/3/2020	12.4	17.1	14.6	1,880	7.8	0.7	Click
19	SAB	Thực phẩm	Theo dõi	13/3/2020	144.0	161.1	177.7	6,719	26.4	6.6	Click
20	KDH	Bất động sản	Mua	11/3/2020	23.0	28.9	22.3	1,782	12.5	1.6	Click



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express GVR 2020Q2	5/5/2020	Kế hoạch 2020. Doanh thu đạt 24.647 tỷ đồng (+7.76% yoy), LNTT đạt 4.961 tỷ đồng (+6.57%yoy) trong đó Tổng sản lượng khai thác từ 360.000 tấn trở lên, tăng 8,66% so với năm 2019; thu mua 73.000 tấn, sản lượng tiêu thụ kế hoạch 433.000 tấn, tăng 4,79% so với năm 2019. Lĩnh vực kinh doanh chiếm tỷ trọng doanh thu cao nhất là kinh doanh mỏ cao su bị sụt giảm mạnh do giá bán cao su vẫn còn rất thấp; khối sản phẩm gỗ và công nghiệp cao su đang chịu áp lực cạnh tranh; khối khu công nghiệp chưa có tín hiệu rõ ràng về cơ chế thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất; đặc biệt là ảnh hưởng nghiêm trọng của dịch bệnh Covid-19. Một số thông tin khác. Theo phê duyệt của tỉnh Đồng Nai, GVR sẽ chuyển nhượng khoảng 1.800 ha trong dự án thu hồi đất, bồi thường hỗ trợ, tái định cư Cảng Hàng không Quốc tế Long Thành trong khoảng trước tháng 10/2020, với giá đền bù 475 triệu đồng/ha (chưa bao gồm cây cao su). KQKD quý 1.2020. Doanh thu thuần đạt gần 121 tỷ đồng cao gấp 2,5 lần cùng kỳ đến chủ yếu từ 103 tỷ đồng doanh thu cho thuê khoảng 9ha đất KCN và phí quản lý khoảng và hơn 15 tỷ đồng doanh thu hoạt động khu dịch vụ thể dục thể thao, LNST đạt 53.6 tỷ đồng (gấp 2.89 lần cùng kỳ); lần lượt hoàn thành được 32% kế hoạch doanh thu và 47% kế hoạch LNST, biến LNG ổn định duy trì ở mức 53%.
Express SZC 2020Q2	5/5/2020	Kế hoạch 2020. Doanh thu 371 tỷ đồng, LNST 115.4 tỷ đồng trong đó (1) KCN: ký thuê 23ha, ký MOU 50ha, doanh thu cho thuê đất KCN, thuê nhà xưởng, phí quản lý và dịch vụ 282 tỷ, trong đó thuê đất KCN, nhà xưởng, phí quản lý khoảng 278 tỷ đồng. (2) BOT: dự kiến 64.5 tỷ đồng (3) Tư vấn giám sát: 3.5 tỷ đồng, sân golf 5.5 tỷ đồng (cho thuê sân tập) (4) BĐS dân dụng: 5 tỷ.
Express HPG 2020Q2	4/28/2020	Kế hoạch kinh doanh: Tổng doanh thu đạt 6,200 tỷ (-20%yoy), LNST đạt 433 tỷ (-48%yoy). Dự kiến chia cổ tức 2019 bằng cổ phiếu với tỷ lệ 15% vào quý 3. Kết quả Q1/2020: Doanh thu đạt 1,600 tỷ (-14%yoy), lợi nhuận sau thuế đạt 114.6 tỷ (-34.5%yoy). Nguyên nhân đến từ (1) sản lượng vận tải dầu thô và dầu sản phẩm từ Dung Quất và Nghi Sơn giảm do cầu yếu, tồn kho nhiều và (2) giá dầu giảm mạnh => giá cước tàu dầu thô chạy nội địa giảm để hỗ trợ các nhà máy lọc dầu. Với giả định (1) giá dầu trung bình năm 2020 ở mức 48.5\$/thùng (-24%yoy) và (2) nhà máy lọc dầu Dung Quất và Nghi Sơn hoạt động ở mức công suất 90%, BSC ước tính doanh thu và lợi nhuận sau thuế của PVT lần lượt đạt 6,860 tỷ (-11%yoy) và 632 tỷ (-23%yoy). Với giả định (1) giá dầu trung bình năm 2020 ở mức 48.5\$/thùng (-24%yoy – tương đương 50% mức giảm từ trường hợp xấu nhất) và (2) nhà máy lọc dầu Dung Quất và Nghi Sơn hoạt động ở mức công suất 90%, BSC ước tính doanh thu và lợi nhuận sau thuế của PVT lần lượt đạt 6,860 tỷ (-11%yoy) và 632 tỷ (-23%yoy). Trong trường hợp xấu nhất, nhu cầu dầu thấp khiến giá dầu ở mức 33\$/thùng và Dung Quất cùng Nghi Sơn chỉ hoạt động với công suất 70%, chúng tôi ước tính doanh thu và lợi nhuận sau thuế cả năm của PVT đạt 6.1 nghìn tỷ (-20%yoy) và LNST đạt 493 tỷ (-39%yoy – không tính thanh lý tàu) – tương đương điều chỉnh giảm 13.5% và 42% so với dự phóng đầu năm. Chúng tôi sẽ tiến hành đánh giá lại khi có số liệu đầy đủ và chính xác hơn.
Express PVT 2020Q2	4/27/2020	Kế hoạch kinh doanh: Tổng doanh thu đạt 6,200 tỷ (-20%yoy), LNST đạt 433 tỷ (-48%yoy). Dự kiến chia cổ tức 2019 bằng cổ phiếu với tỷ lệ 15% vào quý 3.
Express DGC 2020Q2	21/4/2020	Kế hoạch kinh doanh năm 2020 DGC đặt kế hoạch doanh thu 6,085 tỷ (+19.5% YoY) và lợi nhuận sau thuế 600 tỷ (+4.9% YoY). Kết quả kinh doanh Quý 1 DGC ghi nhận doanh thu và lợi nhuận sau thuế lần lượt là 1,520 tỷ (+30.6% YoY) và 199.5 tỷ (+66.3% YoY). Biên lợi nhuận gộp đạt 20.1%, tăng mạnh từ mức 16.9% cùng kỳ. Công ty cho biết trong quý 1 năm 2020 sản lượng tăng 30.1% (chủ yếu ở sản phẩm phốt pho và phân bón), như vậy, giá bán bình quân tiếp tục đi ngang. Việc biên lợi nhuận gộp tăng mạnh BSC cho rằng nhờ giảm chi phí đầu vào: Giá than cốc (chiếm ~10% COGS) giảm 10.3% YoY. DGC cho biết việc vận chuyển hàng hóa vẫn diễn ra bình thường trong quý 1 năm 2020. Thuế xuất khẩu mặt hàng Phốt pho Bộ Tài chính quyết định giữ nguyên mức thuế xuất khẩu với Phốt pho vàng là 5% sau khi tỉnh Lào Cai đề xuất tăng lên mức 20%.



Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn

Cộng Trại

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với KHTC mời liên lạc:

Vũ Thanh Phong

Trần Thành Hưng

Nguyễn Hoàng Dương

Nguyễn Hoàng Nguyễn

Chức vụ

Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC

Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email

phongvt@bsc.com.vn

hungtt@bsc.com.vn

duongnh@bsc.com.vn

nguyennh@bsc.com.vn